

Bản án số: 08/2021/HSST

Ngày: 14/01/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Kim Em;

Ông Ngô Hữu Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Loan - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 190/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Trung B (tên gọi khác là T), sinh năm 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: 930 W5 Đ, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: 1806/127 khu phố T, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: không rõ và con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972; có vợ Nguyễn Thị Y, sinh năm 1997 và có 01 người con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Tòa án nhân dân Quận B xử phạt 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án số 85/2020/HS-ST ngày 02/11/2020. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2020. (có mặt)

- Bị hại: Ông Phạm Q, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 83 đường P, Phường N, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Qệu T, sinh năm 1961; địa chỉ: 88 T, ấp 1, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/05/2020, ông Phạm Q nhắn tin trên ứng dụng mạng xã hội làm quen với bị cáo Nguyễn Trung B có nick name “Bé T”. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, Q rủ B đến phòng 102 khách sạn V, số R, đường số H, phường P,

quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh chơi. Tại đây, B nói Q đặt cơm. Sau khi Q đặt cơm giao hàng đến khách sạn, B mượn cây chốt sim điện thoại trong chum chìa khóa xe của Q để tháo sim điện thoại, Q đồng ý. Lúc này, B nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của Q. Nhân lúc Q không chú ý, B lấy chum chìa khóa xe của Q rồi nói là xuống sảnh khách sạn lấy cơm nhưng sau đó, B lấy trộm chiếc xe Sirius biển số 71H2- 8239, màu trắng - xanh (cùng giấy đăng ký xe trong cốp xe) của anh Q. Khi người giao cơm liên hệ Q xuống nhận cơm, Q mới biết B lấy trộm xe mình bỏ đi. Q liên hệ với B qua điện thoại nhưng sau đó, B tắt liên lạc và không quay lại.

Chiếm đoạt được xe, B liên hệ với U (không rõ lai lịch) nhờ U đem xe đi cầm. U dẫn B đem xe trộm cấp được đi cầm cho một người đàn ông tên O (chưa rõ lai lịch) tại hẻm 139 khu phố B, phường Đ, quận BT được 2.000.000 đồng. Sau đó, U chở B về ngã tư K. B cho U 200.000 đồng, còn 1.800.000 đồng B đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 10/05/2020, ông Q phát hiện B tại địa bàn xã K, huyện Bnên đã trình báo công an xã Phước Kiển giữ B và lập hồ sơ chuyển cho Cơ quan CSĐT Công an quận 7. Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận 7, bị cáo Nguyễn Trung B đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Đối với xe máy hiệu Ya, biển số 71H2-8239, là tài sản bị chiếm đoạt, hiện chưa thu hồi được. Xe do bà Qệu T (mẹ ruột ông Q) đứng tên chủ sở hữu. Bà Lôi cho ông Q mượn xe làm phương tiện đi làm. Tại Bản kết luận định giá số 166/KL-HĐĐGTTHS ngày 12/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân quận 7 kết luận: 01 xe máy hiệu Ya, biển số 71H2-8239 có giá trị 7.300.000 đồng

Tại Bản cáo trạng số 182/CT-VKSQ7 ngày 24/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố bị cáo Nguyễn Trung B về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên xử bị cáo B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo B từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Đề nghị tổng hợp hình phạt 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án số 85/2020/HS-ST ngày 02/11/2020 của Tòa án nhân dân Quận 4 buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án.

Đề nghị bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 2.000.000 đồng và xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Bị cáo khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của mình phù hợp với nội dung vụ án được tóm tắt ở trên, không tự bào chữa, không tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Quận 7, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự trong vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa kết hợp các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ xét có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Nguyễn Trung B thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 xe máy hiệu Ya, biển số 71H2-8239, có giá trị 7.300.000 đồng của ông Phạm Q một cách trái pháp luật. Hành vi này của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội.

Bị cáo phạm tội do tham lam tư lợi, lười nhác lao động và đồng thời bị cáo là người có nhân thân xấu. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội. Vì vậy, cần phải xem xét đến nhân thân của bị cáo để xử lý bằng mức án nghiêm mới có đủ tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Bị cáo đang chấp hành hình phạt 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án số 85/2020/HS-ST ngày 02/11/2020 của Tòa án nhân dân Quận B nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án.

[5] Đối với hành vi của tên U (chưa rõ lai lịch) giúp B cầm xe trộm cắp được; hành vi của tên O (chưa rõ lai lịch) cầm xe do B trộm cắp được mà có, Cơ quan CSĐT Công an quận 7 tiếp tục điều tra làm rõ, điều tra được, xử lý sau.

[6] Xử lý vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Realme C1, thu giữ của bị cáo Nguyễn Trung B. Bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội nên tịch thu sung Công quỹ Nhà nước.

[7] Về phân trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại ông Phạm Q yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 12.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo B đồng ý bồi thường số tiền theo yêu cầu của người bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Buộc bị cáo B phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính đã tiêu xài hết là 2.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trung B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án số 85/2020/HS-ST ngày 02/11/2020 của Tòa án nhân dân Quận B buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 02/7/2020.

2. Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 30, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Realme C1, thu giữ của bị cáo Nguyễn Trung B.

(theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 28 ngày 17/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Buộc các bị cáo B phải bồi thường số tiền 12.000.000 đồng cho ông Phạm Q.

- Buộc bị cáo B phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính đã tiêu xài hết là 2.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày Cơ quan Thi hành án dân sự chủ động ra quyết định thi hành án về khoản tiền bị cáo phải bồi thường nếu bị cáo chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành.

3. Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

- Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo B phải nộp án phí là 600.000 đồng.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/01/2021), bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Sở Tư pháp Quận 7;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu sơ án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:**

Nguyễn Chí Hiếu